

Mùa Xuân qua Kinh Tạng và Văn hóa Phật giáo Việt Nam

ISSN: 2734-9195 08:05 16/02/2026

Song song với đó, Tết ở chùa, với lễ Phật đầu năm, pháp thoại Xuân, nghi thức cầu an, đã và đang trở thành “không gian gặp gỡ” giữa Xuân dân tộc và Xuân Phật pháp.

Tác giả: **Chánh Tâm Hạnh**

NCS TS Học viện PGVN tại Tp.HCM

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2026

Tết và mùa Xuân từ lâu đã trở thành không gian văn hóa - tâm linh đặc biệt trong đời sống người Việt, trong Kinh tạng, đức Phật đã nhìn cảnh xuân, hoa lá, và thời tiết, đất trời...để triển khai giáo lý vô thường, duyên sinh, đạo đức; Đối chiếu với cách Phật giáo Việt Nam tiếp nhận và “Việt hóa” mùa Xuân trong thơ thiền, nghi lễ và sinh hoạt Tết ở chùa. Mùa xuân trong ánh sáng Kinh tạng không phải là thời gian thụ hưởng khoái lạc ngũ dục, mà là dịp để quán sát vô thường, làm mới tâm, chuyển hóa tập khí.

Từ khóa: Kinh tạng, đức Phật, mùa Xuân, văn hóa Tết, Tết Việt...

Góc riêng về mùa Xuân

Mỗi độ Tết đến Xuân về, phần nhiều trên báo chí và văn đàn Phật giáo Việt Nam thường xuất hiện những cụm từ quen thuộc: “Xuân Di Lạc”, “Xuân an lạc”, “mùa Xuân bất tận”, “Xuân của lòng người”... Chùa chiền trang hoàng rực rỡ, Phật tử nô nức lễ Phật đầu năm, xin lộc, cầu an, tham dự pháp thoại đầu Xuân. Không khí ấy tạo nên một cảm giác rất tự nhiên rằng “Phật giáo là tôn giáo của mùa xuân”, hay đức Phật “ở rất gần Tết” với người Việt.



Về mặt lịch sử, đức Phật Thích Ca Mâu Ni sống và thuyết pháp trong bối cảnh Ấn Độ cổ đại, với hệ lịch pháp và chu kỳ lễ tiết khác hẳn Đông Á. Ngài không biết đến Tết Nguyên Đán theo kiểu Việt - Hoa - Hàn - Nhật; kinh điển cũng không ghi nhận những lễ hội “đón năm mới” tương đương Tết ta. Dù vậy, Kinh tạng lại rất phong phú hình ảnh về hoa nở, hoa tàn, cỏ cây, bốn mùa, nắng mưa... được đức Phật dùng làm phương tiện để giảng dạy vô thường, duyên sinh, nghiệp báo và đạo đức. Nói cách khác, “mùa Xuân” trong nhãn quan Phật pháp hiện diện như một ẩn dụ sống động, hơn là một mùa lễ hội theo nghĩa thông tục.

Trong khi đó, tại Việt Nam, Phật giáo đã gắn bó với Tết và mùa Xuân ít nhất từ thời Lý - Trần qua thơ thiền, kiến trúc chùa làng, hội chùa đầu năm, và gần đây là các chuyên san Xuân, số Tết của báo chí Phật giáo. Xuân trong thơ thiền nhiều khi được nâng lên thành “Xuân thường trụ”, “Xuân bất tận”, “Xuân trong tâm”, vượt khỏi tính chất thời tiết để trở thành biểu tượng của giác ngộ, của cái thấy mới mẻ đối với thực tại. Đồng thời, trong thực hành dân gian, Tết gắn với không ít yếu tố mà Kinh tạng nhiều lần cảnh báo: say sưa, sát sinh, mê tín cầu tài, cầu lộc, phóng sinh thiếu chính kiến...

Từ đây, xuất hiện một khoảng trống nghiên cứu, một vấn đề đáng chú ý: một mặt, ta có một kho tàng kinh văn nói rất sâu về vô thường, duyên sinh qua hình ảnh thiên nhiên, trong đó có hoa xuân; mặt khác, ta có một thực tại văn hóa - nghi lễ phong phú quanh Tết trong dân gian Việt Nam; nhưng hai mảng đó chưa được đặt lên cùng một bàn mổ xẻ, đối thoại. Phần lớn bài viết về Xuân - Tết trong bối cảnh Phật giáo hiện nay thiên về tản văn, cảm niệm, khuyến tu, chứ ít

khi đi vào phân tích hệ thống hình tượng mùa Xuân trong Kinh tạng và cách chúng được Việt hóa.

Từ cách tiếp cận đó, chúng ta sẽ hướng đến ba câu hỏi:

(1) Trong Kinh tạng, hình tượng hoa, mùa, Xuân... được sử dụng như những phương tiện giáo dục nào, và nói gì về cái mà ta có thể gọi là “mùa Xuân của phật pháp”?

(2) Trong thơ thiền, nghi lễ và sinh hoạt Tết ở chùa Việt, mùa Xuân được hiểu và thực hành ra sao, có những điểm tương hợp và lệch pha so với tinh thần Kinh tạng?

(3) Từ việc đối thoại giữa hai bình diện ấy, có thể gợi mở gì cho người Phật tử Việt Nam hôm nay trong việc sống Tết và sống Xuân một cách tinh thức hơn, ít mê tín hơn, mà vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc?

Mùa Xuân trong Kinh Tạng

Trong các bản kinh Nikāya và A-hàm, đức Phật nhiều lần sử dụng hình ảnh cỏ cây, hoa lá và sự biến chuyển của thời tiết như một “bảng đen” sống động để giảng dạy vô thường (anicca) và duyên sinh (paliccasamuppāda). Thiên nhiên không được mô tả để khơi gợi cảm xúc lãng mạn, mà như một quyển sách mở về quy luật sinh - trụ - di - diệt.

Ở bình diện sinh học, mùa Xuân là thời điểm cây cối đâm chồi, hoa nở, chim chóc sinh sôi. Nhưng dưới con mắt quán chiếu, chính sự “bùng nổ” ấy lại là bằng chứng rõ rệt nhất của vô thường: nếu không có mùa đông lạnh giá, lá rụng, cành khô, thì cũng không có cảnh Xuân tràn trề nhựa sống; và ngay trong khi hoa đang nở rộ, quá trình héo tàn đã âm thầm chuẩn bị. Thấy được như vậy, đức Phật khuyến khích hàng đệ tử không dừng lại ở chỗ say sưa trước cái đẹp, mà nhìn xuyên qua lớp vỏ mỹ cảm để thấy tính chất vô thường, khổ, vô ngã của mọi hiện tượng hữu vi.



Hoa đào chùa Thiên Trù, Hương Tích (Hà Nội) - Ảnh: Minh Khang

Trong Kinh Pháp Cú, phẩm “Hoa” (Puppha-vagga) là một ví dụ điển hình. Ở đó, đức Phật so sánh người phàm phu chạy theo sắc đẹp của hoa mà không để ý đến hương thơm với kẻ mãi mê tích góp tài sản, danh vọng, sắc dục mà không thấy chúng sẽ tàn phai. Ngược lại, bậc trí giống như người biết chọn hương hoa hơn là chỉ ngắm màu sắc: tức là biết tìm kiếm giá trị bền vững là đức hạnh, trí tuệ, giải thoát. Kinh không dùng từ “mùa Xuân” theo nghĩa lịch thời gian, nhưng bối cảnh hoa nở, cỏ cây tươi tốt chính là phong nền của những bài học này.

Khi thiên nhiên chuyển sang Xuân, đức Phật không khuyến khích thái độ tận hưởng vô tư, mà mời gọi và chỉ dạy thái độ quán chiếu. Mùa Xuân cho thấy thế giới vô cùng sinh động, nhưng cũng nhắc ta rằng sự sinh động này hoàn toàn lệ thuộc vào những điều kiện mong manh: khí hậu, mưa nắng, đất đai, sự chăm sóc. Không có bất cứ “cái đẹp Xuân” nào đứng riêng rẽ, cố định, tự tồn tại ngoài mạng lưới duyên sinh.

Nhìn như vậy, người phật tử khi đứng trước cảnh Xuân - dù là vườn đào ở miền Bắc hay mai vàng ở miền Nam - có thể xem cả khu vườn như một bản kinh vô tự: mỗi bông hoa là một câu pháp về vô thường và duyên sinh, mời gọi và chỉ dạy ta học bài học nhẹ nhàng buông bớt chấp thủ đối với cái đẹp, cái trẻ, cái đang “vượng” trong đời mình.

Kinh Pháp Cú còn đi xa hơn, không chỉ dùng hoa như ví dụ về vô thường, mà còn như một tiêu chuẩn để đo lường giá trị đạo đức. Một bài kệ nổi tiếng đã so sánh bông hoa chỉ đẹp ở màu sắc với bông hoa vừa có sắc vừa có hương, từ đó phân biệt người chỉ “nói hay” với người “sống đúng” theo chính pháp.

Trong bối cảnh mùa Xuân, ẩn dụ này có sức gợi đặc biệt. Mùa Xuân vốn là dịp con người “làm đẹp” ở mọi tầng: trang hoàng nhà cửa, sắm sửa áo quần, thực hiện các nghi lễ, tổ chức lễ hội. Đối với Phật tử, đó còn là lúc chùa chiền được trang trí hoa tươi, đèn nến, cờ phướn; các bài pháp thoại đầu năm thường nhắc đến niềm vui, an lạc, “tâm Xuân”. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở lớp “sắc” - sự rực rỡ bên ngoài của Tết và Xuân - thì vẫn chưa chạm được tinh thần mà đức Phật muốn gửi gắm.

Đặt bài kệ “hoa có sắc và có hương” vào bối cảnh này, ta có thể hiểu rằng “sắc Xuân” là toàn bộ những hình thức đẹp đẽ, thiêng liêng của Tết: mâm ngũ quả, hoa trước bàn Phật, áo mới đi chùa, câu đối, lời chúc...; còn “hương Xuân” là chất liệu đạo đức và tu tập được thấm vào trong đó: giữ giới, nói lời ái ngữ, buông bỏ hơn thua, giảm bớt sát sinh và hưởng thụ quá độ. Một cái Tết chỉ lo cho đủ “sắc” mà quên “hương” sẽ giống như bông hoa đẹp mà vô hương: nhìn thì thích mắt nhưng không nuôi dưỡng được tâm, thậm chí còn khơi gợi thêm tham - sân - si (thích khoe khoang, ganh tỵ, nợ nần, nhậu nhẹt).

Như vậy, đọc mùa Xuân qua Kinh tạng, ta được nhắc nhở một chuẩn mực rất rõ: mùa Xuân đúng nghĩa theo Phật pháp phải là mùa Xuân của hành vi đạo đức, chứ không chỉ của hình ảnh đẹp. Nếu Tết là dịp con người dễ “buông thả” vì tâm lý “đầu năm cho vui”, thì lời Phật lại gợi ý một hướng ngược lại: chính những ngày đầu năm là lúc ta cần đặt nền tảng cho một năm mới bằng những hành động và lời nói có phẩm chất, để “hương” của chúng lan tỏa lâu dài hơn nhiều so với pháo hoa, tiệc tùng, trang trí.

Một trong những đóng góp quan trọng của Phật giáo đối với cách con người hiểu thời gian là việc chuyển trọng tâm từ “thời gian khách quan” (ngày, tháng, năm) sang “sát-na tâm”. Thay vì chỉ quan tâm đến việc thời gian trôi qua như thế nào theo lịch pháp, đức Phật mời gọi đệ tử nhìn sâu vào cách tâm sinh khởi và diệt mất trong từng khoảnh khắc. Ở bình diện này, ý niệm “mùa Xuân” mang một chiều kích mới: mùa Xuân không chỉ là một đoạn thời gian cố định trong năm, mà là bất kỳ khoảnh khắc nào tâm thức được làm mới.

Trong giáo lý Tứ Diệu Đế và Bát Chính Đạo, mỗi khi một người nhận ra bản chất của khổ, thấy rõ nguyên nhân của khổ, có lòng tin vào khả năng đoạn trừ khổ và bước những bước cụ thể trên con đường chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp... thì đó là một lần “tái sinh” ngay trong đời sống hiện tại. Mỗi lần như thế, những tập khí cũ (sân hận, nghi ngờ, mặc cảm, đố kỵ...) được buông bớt, nhường chỗ cho một phẩm chất mới (từ bi, hiểu biết, rộng lượng). Nếu hiểu mùa Xuân là mùa của cái mới, của sự sinh sôi, thì những sát-na chuyển hóa nội tâm ấy chính là “tân Xuân của tâm”.

Kinh Hoa Nghiêm, qua bài kệ “Nhược nhân dục liễu tri... nhất thiết duy tâm tạo”, đã đẩy tri kiến đó lên một mức nữa: không chỉ những kinh nghiệm cụ thể của con người, mà cả cảnh giới “tam thế chư Phật” và “nhất thiết pháp” đều do tâm mà thành. Mùa Xuân, theo đó, không chỉ là kết quả của vận hành khí hậu và thiên nhiên, mà còn là kết quả của cách ta nhận thức và sống với thực tại. Một tâm thức cũ kỹ, đầy thành kiến và lo âu có thể biến cả mùa Xuân bên ngoài thành một chuỗi ngày mệt mỏi; ngược lại, một tâm thức biết sống tỉnh thức, tri túc, biết quay về với hơi thở và thân tâm, có thể tạo ra “mùa Xuân” ngay cả giữa hoàn cảnh khó khăn.

Truyền thống Thiền tông Việt Nam, đặc biệt qua Trúc Lâm, đã khai triển triệt để chiều kích này. Khi Trần Nhân Tông viết “Xuân khứ bách hoa lạc/Xuân đáo bách hoa khai”, rồi kết thúc bằng cái thấy “Mạc vị Xuân tàn hoa lạc tận/Đình tiền tạc dạ nhất chi mai”, Ngài đang mượn ngôn ngữ mùa Xuân để nói về một thứ “Xuân thường trụ”: không nằm trong tiến trình vật lý của thời tiết, mà là cái thấy sáng tỏ, không bị vô minh che phủ. Cái “nhất chi mai” còn lại đó chính là một biểu tượng cho tâm không bị chi phối bởi được - mất, đến - đi, nở - tàn.

Đặt lời Phật trong Kinh tạng cạnh thơ Thiền Lý - Trần, ta có thể rút ra một kết luận tạm thời cho phần này: mùa Xuân theo Phật giáo không bị trói buộc vào lịch pháp. Những ngày đầu năm âm lịch có thể là một “phương tiện thiện xảo” để con người dễ nhớ, dễ đánh dấu một khởi đầu, nhưng nếu chỉ trông chờ vào ba ngày Tết để “mới”, còn 362 ngày còn lại sống theo quán tính cũ, thì đó vẫn là cái nhìn mang tính tập tục nhiều hơn là tu học. Ngược lại, mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi sát-na mà ta có thể dừng lại, nhận diện và chuyển hóa một thói quen bất thiện, nuôi dưỡng một hạt giống lành - đó mới là những “mùa Xuân” đích thực theo tinh thần Kinh tạng.

Chính trên nền tảng ấy, ở các phần sau, khi đọc đến văn hóa Phật giáo Việt Nam và thực hành Tết ở chùa, ta sẽ có một “thước đo” để xem: đâu là những biểu hiện giúp người Phật tử chạm được “tân Xuân của Tâm” như Kinh tạng gợi mở, và đâu là những hình thức chỉ dừng ở lớp “sắc Xuân” bề mặt, thậm chí đi ngược với tinh thần quán chiếu vô thường - duyên sinh mà đức Phật đã dạy.

Mùa Xuân Phật giáo trong Thi ca Việt

Nếu trong Kinh tạng, “mùa Xuân” chủ yếu hiện diện qua hình tượng hoa cỏ, bốn mùa như một trường hợp của vô thường - duyên sinh, thì khi đi vào Việt Nam, qua lăng kính thi ca và văn hóa, mùa Xuân được “Việt hóa” rất mạnh. Đặc biệt ở thời Lý - Trần, tinh thần Phật giáo thấm sâu vào văn hóa cung đình lẫn dân gian, tạo nên một lớp thơ thiền trong đó mùa Xuân trở thành biểu tượng quen

thuộc nhưng được đọc lại bằng cái thấy giác ngộ.



Ảnh được tạo bởi AI

Ở tầng phổ thông, Xuân là thời khắc “trời đất giao hòa”, cây cối sinh sôi, lòng người rộn ràng, là dịp đoàn tụ gia đình, tưởng nhớ tổ tiên. Ở tầng thiền học, Xuân lại là dịp để nói về cái vĩnh hằng nằm bên kia thời gian. Câu “*Xuân khứ bách hoa lạc/ Xuân đáo bách hoa khai*” trong Cư trần lạc đạo phú của Trần Nhân Tông thường được nhắc tới như một minh chứng: Xuân đến Xuân đi, hoa nở hoa tàn, nhưng người tu nếu “cư trần lạc đạo” thì không bị lôi kéo bởi dòng chảy vô thường đó, mà ngay trong sinh - diệt vẫn an trụ nơi cái thấy bất động.

Những bài thơ như Xuân vãn, Đảo hoàng... của các thiền sư Trúc Lâm cũng dùng cảnh Xuân để nói “tâm Xuân”. Từ những hình ảnh rất quen thuộc với người Việt – bãi bờ, cánh đồng, lũy tre, giọt mưa Xuân - các thiền sư dẫn người đọc đến chỗ nhận ra: cái làm cho Xuân có ý nghĩa không phải là hoa lá tự nó,

mà là tâm thức có mặt trọn vẹn, không vướng bận quá khứ - tương lai. Nói cách khác, văn học Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần đã nối tiếp tinh thần Kinh tạng: dùng thiên nhiên - trong đó có Xuân - như một “màn hình” để chiếu lên những thông điệp về vô thường, vô ngã, nhất tâm. Song song với đó, trong văn hóa làng xã, chùa làng trở thành một phần không thể tách rời của Tết. Đi lễ chùa đầu năm vừa là nhu cầu tâm linh, vừa là tập quán xã hội. Chùa là nơi người dân “thấy Xuân”: cờ phướn, câu đối, mùi hương trầm, tiếng chuông mõ, tiếng tụng kinh hòa vào tiếng trống hội, tiếng cười nói. Chính trong không gian đó, mùa Xuân của đất trời, mùa Xuân của văn hóa và mùa Xuân của Phật pháp giao thoa, tạo thành một “mùa Xuân Phật giáo Việt Nam” rất riêng.

Khi quan sát các thực hành Tết ở chùa hiện nay, có thể tạm phân biệt hai lớp:

+ Một lớp gần với tinh thần Kinh tạng và thơ thiền: lễ Phật đầu năm, nghe pháp thoại Xuân, tụng kinh cầu an với nội dung quán vô thường, phát tâm hành thiện, thực tập buông bỏ phiền não;

+ Một lớp chịu ảnh hưởng mạnh của tín ngưỡng dân gian, tâm lý cầu may, thậm chí mê tín: chen lấn xin xăm, xem bói đầu năm, cúng sao giải hạn theo kiểu “trả tiền đổi phước”, phóng sinh thiếu hiểu biết, đốt vàng mã quá độ...

Ở lớp thứ nhất, ta thấy rõ “hương Xuân” theo nghĩa đức Phật dạy trong Kinh Pháp Cú. Lễ Phật đầu năm - nếu được hướng dẫn đúng - có thể trở thành một nghi thức làm mới tâm: người Phật tử đối diện với tượng Phật như đối diện với chính bản tâm thanh tịnh của mình, lắng nghe chuông trống để buông bớt gánh nặng năm cũ, phát nguyện sống một năm mới tinh thức hơn, nhân ái hơn. Những buổi pháp thoại Xuân, nếu dựa trên các phẩm kinh về hoa, vô thường, tâm và hạnh, sẽ giúp người nghe đọc lại mùa Xuân không chỉ như một chu kỳ thời tiết, mà như lời nhắc “đừng để đời trôi qua vô ích thêm một năm nữa”.

Ngược lại, ở lớp thứ hai, ta thấy khá rõ sự lệch khỏi tinh thần Kinh tạng. Khi việc đến chùa đầu năm bị giản lược thành “đi xin lộc”, “xin xăm xem năm nay làm ăn được không”, “cúng sao cho khỏi hạn”, thì chùa không còn là “tịnh độ tại tâm” mà trở thành “trụ sở dịch vụ tâm linh”. Phật pháp - vốn dạy con người thấy rõ luật nhân quả, tự mình chịu trách nhiệm về hành vi, khuyến khích chuyển hóa tâm - bị lẫn vào với niềm tin rằng chỉ cần dâng lễ, làm đủ một số nghi thức là có thể “mua” bình an, phước lộc.

Từ góc nhìn Kinh tạng, những thực hành này ít nhất có ba vấn đề:

1) Chúng củng cố tâm lý mua bán, mắc cả trong đời sống tâm linh, trái với tinh thần bố thí vô tướng và tu tập nội tâm.

2) Chúng làm mờ đi thông điệp tự lực của Phật giáo: thay vì khuyến khích người phật tử xem Tết là dịp phát nguyện giữ giới, sửa mình, thì lại khiến họ tin rằng “cúng cho đúng là đủ”.

3) Chúng dễ nuôi dưỡng tâm lý sợ hãi, lệ thuộc, trái với mục tiêu giải thoát khỏi vô minh, sợ hãi mà đức Phật hướng dẫn.

Tuy vậy, thay vì chỉ phê phán, bài viết này cho rằng nên xem những thực hành đó như “tăng vô” mà Phật giáo Việt Nam cần từng bước chuyển hóa. Nếu hiểu được nhu cầu sâu xa của người dân khi đến chùa ngày Tết – nhu cầu an tâm, hy vọng, tìm chỗ nương tựa - thì Giáo hội và tăng ni có thể dựa trên chính những nghi lễ ấy, tái diễn giải chúng theo tinh thần Kinh tạng:

+ Nghi thức cầu an có thể trở thành dịp giảng rõ về an ninh nội tâm, về vai trò của chính niệm, giới hạnh, lòng từ;

+ Hái lộc có thể chuyển từ việc bẻ cành, lấy lá sang nhận “lộc” là một câu kinh, một bài kệ gợi nhắc tu tập;

+ Phóng sinh có thể tổ chức theo hướng bảo vệ môi trường, tôn trọng đời sống sinh linh, tránh mua bán, nhốt nhốt - thả thả hình thức.

Khi đó, Tết ở chùa sẽ dần dịch chuyển trọng tâm từ “cầu xin” sang “học hỏi và chuyển hóa”, gần hơn với cái mà Kinh tạng và thơ thiền gọi là “tân Xuân của Tâm”.

Từ những phân tích trên, có thể gợi ý một số hướng thực hành cụ thể để người phật tử và cộng đồng chùa chiền biến Tết thành một dạng “khóa tu ngắn ngày”, thay vì chỉ là đỉnh điểm của tiêu dùng và giải trí.

Thứ nhất, đặt trọng tâm vào giới và chính niệm trong những ngày đầu năm. Gia đình Phật tử có thể cùng nhau phát nguyện giữ năm giới một cách nghiêm cẩn trong ba ngày Tết: không sát sinh (giảm món ăn mặn, hạn chế mâm cao cỗ đầy), không uống say, không nói lời gây chia rẽ, không bài bạc... Thay vì “ăn Tết cho đã”, cả nhà thử “tu Tết cho sâu”: dành thời gian tụng một thời kinh ngắn buổi sáng, thiền thở vài phút trước khi đi chúc Tết, nhắc nhau nói lời lành, tránh khơi lại hiềm khích cũ trong mâm cơm họ hàng.

Thứ hai, ý thức về “sắc” và “hương” trong mọi hoạt động Tết: Khi trang hoàng nhà cửa, tảo mộ, bày biện bàn thờ, đi chùa, người phật tử có thể tự hỏi: việc này đang làm tăng “sắc Xuân” bề ngoài hay có nuôi dưỡng “hương Xuân” nội tâm? Một bình hoa giản dị nhưng được cắm trong chính niệm, với tấm lòng biết ơn tổ tiên và phát nguyện sống đẹp, có thể quý hơn rất nhiều so với một mâm

cổ ê hề nhưng chất chứa lo âu, nặng nề ganh tỵ. Tương tự, đi chùa với tâm tâm lo “xin cho được” rất khác với đi chùa để lắng nghe một lời dạy, một câu kinh, một tiếng chuông nhắc mình tỉnh thức.

Thứ ba, sử dụng các phương tiện truyền thông Phật giáo để “đọc mùa Xuân” đúng hướng: Báo chí, tạp chí và mạng xã hội Phật giáo có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi “khung ý nghĩa” của Tết: thay vì chỉ đăng những bài tản văn cảm xúc hoặc tin tức lễ hội, có thể đẩy mạnh những bài viết đọc mùa Xuân qua Kinh tạng, giới thiệu thơ thiền về Xuân, chia sẻ kinh nghiệm “Tết tỉnh thức” của Phật tử ở đô thị, công nhân khu công nghiệp, người Việt xa quê... Những “câu chuyện Tết” được kể dưới ánh sáng vô thường, duyên sinh, tịnh độ tại tâm sẽ giúp độc giả nhìn lại chính Tết của mình.

Thứ tư, khuyến khích các chùa tổ chức chương trình “tu Tết” nhẹ nhàng: Điều này có thể rất linh hoạt: một buổi pháp thoại ngắn đêm Giao thừa, một buổi thiền hành đầu năm trong sân chùa, một buổi giao lưu chia sẻ “Tết xưa - Tết nay trong mắt người tu”, hay những khóa một ngày an lạc sau Tết dành cho Phật tử bận rộn. Không nhất thiết phải biến Tết thành hơn ba ngày “ở yên trong chùa”, nhưng có thể gieo vào lịch Tết của nhiều gia đình một vài “mốc tu nhỏ” - đủ để họ cảm nhận một mùa Xuân khác: yên, sâu và không vội.

Nếu thực hiện được những gợi ý đó, “mùa Xuân qua Kinh tạng và văn hóa Phật giáo Việt Nam” sẽ không chỉ là một chủ đề nghiên cứu, mà còn trở thành một lối sống: mỗi độ Xuân về, người Phật tử Việt Nam vừa được hòa mình vào không khí Tết dân tộc, vừa có cơ hội đọc lại bản thân, làm mới tâm và nếm trải phần nào cái “Xuân thường trụ” mà Kinh tạng và thơ thiền đã gợi mở từ nhiều thế kỷ trước.

Từ mùa Xuân của đất trời đến mùa Xuân của Tâm

Xuất phát từ một trải nghiệm rất gần gũi - Tết và mùa Xuân trong đời sống người Việt - bài viết đã thử “đọc” mùa Xuân qua hai lăng kính: Kinh tạng và văn hóa Phật giáo Việt Nam. Ở bình diện Kinh tạng, hình tượng hoa cỏ, bốn mùa, cảnh sinh - diệt của thiên nhiên được Đức Phật sử dụng như một bảng minh họa sống động cho vô thường và duyên sinh. Mùa Xuân, trong ý nghĩa ấy, không phải chỉ là thời tiết đẹp hay chu kỳ lễ hội, mà là một bài học về sự nương tựa lẫn nhau và về cái mong manh của mọi vẻ đẹp hữu vi. Bên cạnh đó, các bài kệ về “hoa có sắc lại thêm hương” gợi một tiêu chuẩn đạo đức: giữa mùa hoa nở và lễ hội, điều làm cho đời sống có ý nghĩa không phải là vẻ đẹp bên ngoài mà là “hương” của hành vi thiện lành, giới - định - tuệ. Trên nền đó, giáo lý về “nhất thiết duy tâm tạo” và cách hiểu “tâm Xuân của tâm” cho thấy: bất cứ sát-na nào

có chuyển hóa nội tâm, buông bỏ tập khí cũ, khởi được cái thấy và cái thương mới, đều có thể xem là một “ngày đầu năm” đích thực.

Khi đi vào Việt Nam, tinh thần ấy được tiếp nhận và Việt hóa qua thơ thiền thời Lý - Trần, đặc biệt trong truyền thống Trúc Lâm, cũng như qua thực hành Tết ở chùa làng. Mùa Xuân trong thơ thiền vừa rất cụ thể - hoa đào, mai, mưa Xuân, lối xóm - vừa được nâng lên thành biểu tượng của cái “Xuân thường trụ”: cái bình an, sáng tỏ không bị cuốn theo đến-đi, nở-tàn. Song song với đó, Tết ở chùa, với lễ Phật đầu năm, pháp thoại Xuân, nghi thức cầu an, đã và đang trở thành “không gian gặp gỡ” giữa Xuân dân tộc và Xuân Phật pháp. Tuy nhiên, thực tại cũng cho thấy những biểu hiện lệch khỏi tinh thần Kinh tạng: khuynh hướng cầu may, mua bán phước báu, mê tín đầu năm.

Trong tương lai, những nghiên cứu tiếp theo có thể đi sâu hơn vào một số hướng: phân tích văn bản cụ thể (như Cư trần lạc đạo phú, Xuân văn...) dưới lăng kính biểu tượng mùa Xuân; khảo sát thực địa về cách Phật tử ở đô thị, công nhân khu công nghiệp, người Việt xa quê đang “sống Tết” trong tương quan với Phật giáo; hoặc so sánh “mùa Xuân Phật giáo” Việt Nam với các truyền thống Phật giáo khác trong khu vực. Dù theo hướng nào, điều quan trọng vẫn là giữ cho câu hỏi ban đầu luôn sống động: giữa những đổi thay của xã hội hiện đại, chúng ta có còn khả năng nhận ra và nuôi dưỡng một mùa Xuân sâu hơn, lặng hơn, ở ngay trong chính tâm mình - mùa Xuân mà Kinh tạng và văn hóa Phật giáo Việt Nam đã kiên trì gợi mở từ bao đời.

Tác giả: **Chánh Tâm Hạnh** - NCS TS Học viện PGVN tại Tp.HCM

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2026

Tài liệu tham khảo:

Ban biên tập Tạp chí Nghiên cứu Phật học. (2023, 5 tháng 8). Tư tưởng “tĩnh độ tại tâm” qua bài kệ kinh Hoa Nghiêm. Tạp chí Nghiên cứu Phật học.

Truy cập tại: <https://tapchinghiencuuphathoc.vn/tu-tuong-tinh-do-tai-tam-qua-bai-ke-kinh-hoa-nghiem.html>

Ban biên tập Thư viện Hoa Sen. (2024). Lịch sử Phật giáo Việt Nam: Từ thời lập quốc đến ngày nay (sách ebook PDF). Thư viện Hoa Sen.

Truy cập tại: <https://thuvienhoasen.org/a34120/lich-su-phat-giao-viet-nam-sach-ebook-pdf> Buddharakkhita, A. (1985). The Dhammapada: The Buddha's path of wisdom. Buddhist Publication Society.

Giác Ngộ Online. (2025, 9 tháng 2). Phật giáo và mùa xuân: Ý nghĩa tâm linh qua một vài tác phẩm thi ca. Giác Ngộ Online. Truy cập tại: <https://giacngo.vn/phat-giao-va-mua-xuan-y-nghia-tam-linh-qua-mot-vai-tac-pham-thi-ca-post74419.html> Nguyễn, C. L. (n.d.). Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: Diện mạo và đặc điểm. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. Nguyễn, Đ. T. (1974). Phật giáo Việt Nam. Nhà xuất bản Mặt Đất.

Nguyễn, H. C. (Chủ biên). (1988). Thơ văn Lý - Trần (Tập 2, Quyển thượng). Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. Nguyễn, T. T. (Chủ biên). (1988). Lịch sử Phật giáo Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Tạp chí Nghiên cứu Phật học. (2025, 10 tháng 6). Cảm hứng thiền qua bài thơ Xuân Vãn của Trần Nhân Tông. Tạp chí Nghiên cứu Phật học.

Truy cập tại: <https://www.tapchinghiencuuphathoc.vn/cam-hung-thien-qua-bai-tho-xuan-van-cua-tran-nhan-tong.html> Thích, M. C. (2000). Kinh Pháp Cú (Dhammapada). Nhà xuất bản Tôn Giáo.

Thích, N. H. (1991). *Peace is every step: The path of mindfulness in everyday life*. Bantam. Thích, T. Q. (2009, 23 tháng 11). Xuân trong đạo Phật. Giác Ngộ Online.

Truy cập tại: <https://giacngo.vn/xuan-trong-dao-phat-post6564.html>

Thích, T. T. (dịch). (1983). Kinh Hoa Nghiêm (Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh). Phật Học Viện Quốc Tế. Thư viện Hoa Sen. (2010, 11 tháng 11). Nhất thiết duy tâm tạo. Thư viện Hoa Sen.

Truy cập tại: <https://thuvienhoasen.org/a7051/nhat-thiet-duy-tam-tao>

Trần, N. T. (1989). Cư trần lạc đạo phú. Trong N. H. Chi (Chủ biên), Thơ văn Lý - Trần (Tập 2, Quyển thượng, tr. 505-514). Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Viện Văn học (An Tường Nhân). (2023, 27 tháng 3). Thơ văn Lý - Trần và tinh thần dung hợp tư tưởng Nho - Lão - Phật. Tạp chí Nghiên cứu Phật học.

Truy cập tại: <https://tapchinghiencuuphathoc.vn/tho-van-ly-tran-va-tinh-than-dung-hop-tu-tuong-nho-lao-phat.html>